**Question 1**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn hình tra cứu:

Select one:

a. Cho phép người dùng tìm kiếm và xem các thông tin về các đối tượng

b. Cho phép người dùng nhập liệu và tính toán

c. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

d. Tất cả đều sai

**Question 2**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn hình chính:

Select one:

a. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

b. Cho phép người dùng tra cứu, tìm kiếm thông tin

c. Cho phép người dùng nhập liệu và tính toán

d. Tất cả đều sai

**Question 3**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Công việc của phương pháp hộp trắng cần:

Select one:

a. Kiểm tra giao tiếp của đơn vị, dữ liệu cục bộ, các điều kiện biên và đảm bảo mọi con đường thực hiện phải đi qua ít nhất một lần

b. Kiểm tra các điều kiện biên

c. Kiểm tra dữ liệu cục bộ

d. Tất cả đều sai

**Question 4**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nội dung của màn hình chính gồm:

Select one:

a. Danh sách các công việc có thể thực hiện với phần mềm

b. Tất cả đều sai

c. Tiêu chí tra cứu

d. Kết quả tra cứu

**Question 5**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Một trong các đặc điểm của phương pháp kiểm thử hộp đen là:

Select one:

a. Không chú tâm đến phát hiện sai sót

b. Dựa trên đặc tả chức năng

c. Tất cả đều sai

d. Quan tâm đến cài đặt cụ thể

**Question 6**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Cả hai phương án A và B

b. Tất cả đều sai

c. Phần mềm được phát triển hay được kỹ nghệ hoá, nó không được chế tạo theo nghĩa cổ điển

d. Phần mềm không hỏng đi

**Question 7**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi phân tích yêu cầu về bảo mật cần quan tâm đến yếu tố:

Select one:

a. Cả 3 phương án trên

b. Mức độ bảo mật

c. Môi trường bảo mật

d. Ảnh hưởng của bảo mật

**Question 8**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Phát biểu nào sau đây đúng khi vẽ luồng thông tin giữa một tiến trình thực hiện phép toán ghi và kho:

Select one:

a. Không có luồng thông tin nào

b. Chỉ có một luồng thông tin từ kho về tiến trình

c. Có cả 2 luồng thông tin ngược chiều nhau

d. Chỉ có một luồng thông tin từ tiến trình về kho

**Question 9**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Phần mềm không hỏng đi

b. Phần lớn phần mềm được xây dựng theo đơn đặt hàng, ít khi được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

c. Phần mềm được phát triển hay được kỹ nghệ hoá, nó không được chế tạo theo nghĩa cổ điển

d. Cả 3 phương án trên

**Question 10**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ý nghĩa sử dụng của màn nhập liệu:

Select one:

a. Cho phép người dùng thực hiện các công việc có liên quan đến ghi chép trong thế giới thực

b. Tất cả đều sai

c. Cho phép người dùng chọn được công việc mà họ muốn thực hiện trên máy tính

d. Cho phép người tìm kiếm, tra cứu thông tin

**Question 11**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tối ưu câu truy vấn để cải thiện tốc độ cần:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cả 2 phương án A và B

c. Loại bỏ những bảng dư thừa (không liên quan) trong truy vấn

d. Hạn chế sử dụng các hàm tính toán thống kê không cần thiết

**Question 12**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi xoá một bản ghi trong bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Ràng buộc khoá chính trong bảng đó

b. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng đó

c. Ràng buộc khoá quan hệ ở bảng con khác có tham chiếu quan hệ đến bảng đó

d. Tất cả đều sai

**Question 13**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi thêm một một bản ghi mới vào bảng, có thể sẽ ảnh hướng đến:

Select one:

a. Ràng buộc NOT NULL trong bảng

b. Tất cả đều đúng

c. Ràng buộc khoá quan hệ trong bảng

d. Ràng buộc khoá chính trong bảng

**Question 14**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Nhược điểm của hình thức “Họp nhóm” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Mời không đúng thành viên dẫn đến chậm có kết quả

b. Đòi hỏi kỹ năng giao tiếp

c. Thói quen dễ thay đổi khi biết mình bị quan sát

d. Tất cả đều sai

**Question 15**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi vẽ đường quan hệ giữa 2 bảng ĐỘC\_GIẢ và PHIẾU\_MƯỢN trong sơ đồ logic, đường mũi tên chỉ về đâu? Biết rằng mỗi độc giả có thể mượn nhiều sách, mỗi phiếu mượn xác định duy nhất một dộc giả.

Select one:

a. Chỉ về bảng ĐỘC\_GIẢ

b. Chỉ về cả 2 bảng

c. Tất cả đều sai

d. Chỉ về bảng PHIẾU\_MƯỢN

**Question 16**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Ứng dụng của nhóm phần mềm máy tính cá nhân:

Select one:

a. Cả 3 phương án trên

b. Xử lý văn bản, trang tính

c. Quản trị cơ sở dữ liệu

d. Xử lý đồ hoạ

**Question 17**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phép toán Multiple-Row có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Multiple-Column SubQuery

b. Cả phương án A và B

c. Multiple-Row SubQuery

d. Single-Row SubQuery

**Question 18**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phép toán Exists, Not Exists có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Multiple-Column SubQuery

b. Single-Row SubQuery

c. Cả 3 loại truy vấn trên

d. Multiple-Row SubQuery

**Question 19**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính đúng đắn trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Tốc độ xử lý nhanh

b. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

c. Cho phép người dùng khai báo các thay đổi về quy định với phần mềm

d. Đạt hiệu quả kinh tế

**Question 20**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của giai đoạn “Xác định yêu cầu” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Xác định chính xác các yêu cầu đặt ra cho phềm mềm

b. Mô tả lại thế giới thực thông qua các mô hình trước khi thiết kế

c. Mô tả các thành phần của phần mềm trước khi tiến hành cài đặt

d. Tất cả đều sai

**Question 21**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần giao diện của phần mềm gồm:

Select one:

a. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

b. Hệ thống các hàm đọc/ghi với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

c. Tất cả đều sai

d. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

**Question 22**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Mục tiêu chính của thiết kế giao diện là:

Select one:

a. Mô tả cấu trúc dữ liệu

b. Tất cả đều sai

c. Mô tả cấu trúc chương trình

d. Mô tả hệ thống các màn hình giao diện

**Question 23**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Khi phân tích yêu cầu về tốc độ cần quan tâm đến yếu tố:

Select one:

a. Khả năng chứa

b. Cả 3 phương án trên

c. Băng thông (độ rộng của đường truyền mạng)

d. Việc thiết kế cơ sở dữ liệu

**Question 24**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Nội dung của bộ kiểm thử bao gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Dữ liệu vào

c. Tên modun/chức năng muốn kiểm thử

d. Tên modun/chức năng muốn kiểm thử; Dữ liệu vào; Kết quả mong muốn; Kết quả thực tế

**Question 25**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu phi chức năng liên quan đến người dùng bao gồm:

Select one:

a. Tính tiến hoá; Tính tái sử dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

b. Tất cả đều sai

c. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính bảo trì

d. Tính tiến hoá; Tính tiện dụng; Tính hiệu quả; Tính tương thích

**Question 26**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Truy vấn con dạng Single-Row SubQuery trả kết quả về:

Select one:

a. Một cột, nhiều dòng

b. Nhiều cột, nhiều dòng

c. Nhiều cột, một dòng

d. Một cột, một dòng

**Question 27**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Nhược điểm của hình thức “Quan sát” khi khảo sát hiện trạng:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Mất nhiều thời gian

c. Khó thực hiện

d. Chi phí chuẩn bị lớn

**Question 28**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần của phần mềm gồm:

Select one:

a. Thành phần giao diện

b. Thành phần dữ liệu

c. Cả 3 phương án trên

d. Thành phần xử lý

**Question 29**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Tính tiện dụng trong yêu cầu chất lượng phần mềm là:

Select one:

a. Tốc độ xử lý nhanh

b. Đầy đủ và chính xác các yêu cầu của người dùng

c. Cho phép người dùng khai báo các thay đổi về quy định với phần mềm

d. Giao diện đẹp, trực quan, dễ thao tác

**Question 30**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Phép toán Single-Row có thể so sánh với truy vấn con:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Multiple-Column SubQuery

c. Multiple-Row SubQuery

d. Single-Row SubQuery

**Question 31**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Yêu cầu đối với kiểm thử phần mềm:

Select one:

a. Được lập tài liệu

b. Cả 3 phương án trên

c. Tính hệ thống

d. Tính lặp lại

**Question 32**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Đặc điểm của phần mềm có:

Select one:

a. Phần lớn phần mềm được xây dựng theo đơn đặt hàng, ít khi được lắp ráp từ các thành phần có sẵn

b. Cả hai phương án A và B

c. Tất cả đều sai

d. Phần mềm không hỏng đi

**Question 33**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Hình thức trình bày của thiết kế màn hình chính gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ; Tích hợp

c. Thực đơn; Phím nóng; Biểu tượng; Sơ đồ

d. Phím nóng Thực đơn; Biểu tượng

**Question 34**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Kết quả nhận của giai đoạn “Phân tích” trong mô hình thác nước là:

Select one:

a. Mô hình thế giới thực

b. Danh sách các yêu cầu cùng các thông tin có liên quan

c. Thông tin về hoạt động của thế giới thực

d. Mô hình phần mềm

**Question 35**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các thông tin cần mô tả một màn hình giao diện gồm:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Nội dung (Cấu trúc thành phần bên trong màn hình)

c. Tên màn hình (Tên công việc muốn thực hiện trên máy tính)

d. Cả 2 phương án A và B

**Question 36**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Tính hệ thống trong yêu cầu kiểm thử phần mềm cần:

Select one:

a. Tất cả đều sai

b. Cần đảm bảo đã kiểm tra hết tất cả các trường hợp

c. Kiểm tra dữ liệu cục bộ

d. Được lặp lại để kiểm tra xem lỗi đã được sửa hay chưa

**Question 37**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Để giảm bớt chi phí vận hành phần mềm cần:

Select one:

a. Khả năng chứa tốt

b. Chương trình được kiểm thử và chạy debug trước khi đưa vào sử dụng

c. Tất cả đều sai

d. Cấu hình phần cứng tốt

**Question 38**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Các phép toán trong ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu (DDL) gồm có:

Select one:

a. CREATE.., ALTER.., DROP…

b. Tất cả đều sai

c. COMMIT, ROLLBACK

d. INSERT, UPDATE, DELETE, SELECT

**Question 39**

Complete

Mark 0,00 out of 1,00

Remove flag

Question text

Tìm hiểu tổng quan về thế giới thực bao gồm:

Select one:

a. Đối nội; Đối ngoại; Chức danh

b. Quy mô hoạt động; Các hoạt động mà đơn vị có tham gia

c. Cả hai phương án trên

d. Tất cả đều sai

**Question 40**

Complete

Mark 1,00 out of 1,00

Flag question

Question text

Thành phần xử lý của phần mềm gồm:

Select one:

a. Hệ thống các hàm đọc/ghi cùng với mô hình tổ chức dữ liệu tương ứng

b. Hệ thống các hàm xử lý tính toán

c. Hệ thống các hàm nhập/xuất cùng với hình thức trình bày

d. Tất cả đều sai